

**QUYẾT ĐỊNH**

**Duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng nút giao thông giữa đường ĐT. 765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát), huyện Xuân Lộc**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở - tổng mức đầu tư Dự án Nút giao thông giữa đường ĐT. 765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát), huyện Xuân Lộc tại Văn bản số 7714/SGTVT-QLGT ngày 29/10/2018 của Sở Giao thông Vận tải;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 756/TTr-SKHĐT ngày 30/10/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Nút giao thông giữa đường ĐT.765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát), huyện Xuân Lộc; như sau:



1. Tên dự án: Nút giao thông giữa đường ĐT.765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát), huyện Xuân Lộc.

2. Địa điểm: Xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc.

3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc.

4. Mục tiêu đầu tư: Nhằm giảm thiểu ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông tại khu vực nút giao thông, cũng như góp phần chỉnh trang khu vực ngã ba Suối Cát huyện Xuân Lộc thì việc đầu tư xây dựng cải tạo nút giao thông này là cần thiết và cấp bách.

5. Nội dung và quy mô đầu tư. Dự án nhóm C:

a) Phần xây dựng nút giao thông: Nút giao được thiết kế trên cơ sở cải tạo nút giao hiện có, điều chỉnh giao cắt từ ngã ba thành ngã tư (do bổ sung thêm đường dẫn mới vào Bệnh viện huyện Xuân Lộc).

b) Phạm vi nghiên cứu:

- Đoạn thuộc QL1 dài khoảng 820m. Điểm đầu tại km1800+200, điểm cuối tại km1801+020.

- Xây dựng mới đoạn vượt nổi vào Bệnh viện huyện Xuân Lộc dài khoảng 20m.

- Đoạn thuộc đường ĐT. 765 (tại vị trí nút giao thông): Giữ nguyên hiện trạng với bề rộng mặt đường rộng 12m, chỉ vượt nổi mở rộng mặt đường trong phạm vi nút giao thông.

- Đoạn thuộc đường song hành (tại vị trí nút giao thông): Giữ nguyên hiện trạng với bề rộng mặt đường rộng 5,5m, chỉ vượt nổi mở rộng mặt đường trong phạm vi nút giao thông.

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế giao thông Phía Nam.

7. Chủ nhiệm lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Kỹ sư Nguyễn Minh Viện.

8. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng yêu cầu áp dụng:

- Quy phạm đo vẽ bản đồ của Tổng cục địa chính 96TCN 43 - 90;

- Quy trình khảo sát đường ô tô 22TCN 263 - 2000;

- Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình TCVN 9401:2012;

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng lưới độ cao QCVN 11:2008;

- Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỉ lệ 1:500; 1:1000; 1:2000; 1:5000; 1:10000; 1:25000 (phần ngoài trời) 96TCN 43-90

- Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình TCVN 9437:2012;

- Quy chuẩn Quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2014/BXD;

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT.

- Quy chuẩn kỹ thuật các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2016/BXD .

- Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng: TCXDVN 333-2005;
- Đường Ô tô - Yêu cầu thiết kế TCVN 4054 - 2005;
- Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế 22TCN 211-06;
- Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế: TCXDVN 104 : 2007;
- Tiêu chuẩn thoát nước mạng lưới và công trình TCVN 7957-2008;
- Mặt đường bê tông nhựa nóng - TCVN 8819:2011;
- Lớp móng CPĐD trong kết cấu áo đường ô tô – TCVN 8859:2011;
- Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu TCVN 9436:2012;
- Các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành khác.

9. Loại và cấp công trình: Công trình giao thông, cấp II.

10. Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

11. Giải pháp thiết kế: Nút giao hiện hữu được cải tạo từ giao cắt ngã ba thành ngã tư (bổ sung thêm đường dẫn vào bệnh viện huyện Xuân Lộc).

a) Bình đồ tuyến:

- Đoạn thuộc đường Quốc lộ 1: cải tạo đoạn tuyến khu vực nút giao, phạm vi chiều dài khoảng 820m.

- Xây dựng mới đoạn nối vào Bệnh viện huyện Xuân Lộc, dài khoảng 20m.

- Đoạn thuộc đường ĐT.765: giữ nguyên mặt đường hiện hữu, chỉ vuốt nối trong phạm vi nút giao.

- Đoạn thuộc đường song hành: giữ nguyên mặt đường hiện hữu, chỉ vuốt nối trong phạm vi nút giao.

b) Trắc dọc:

Thiết kế trên nguyên tắc giữ theo cao độ tim đường hiện hữu, chỉ bù vênh mặt đường và làm thêm lớp bê tông nhựa tăng cường dày 6cm.

c) Quy mô mặt cắt ngang:

\* Mặt cắt ngang đường Quốc lộ 1:

- Mở rộng mặt đường từ 04 làn xe thành 06 làn xe, làm dải phân cách giữa và vỉa hè 02 bên, cụ thể:

+ Làn xe cơ giới: 4 làn x 3,5m	= 14,00m;
+ Làn xe hỗn hợp: 2 làn x 2,0m	= 4,0m;
+ Dải phân cách giữa:	= 0,50m;
+ Dải an toàn: 4 x 0,5m	= 2,0m;
+ Vỉa hè: 2 bên x 5,0m	= 10,00m;
Tổng cộng:	= 30,50m.

Ghi chú: để đảm bảo an toàn giao thông, hướng Hà Nội rẽ trái vào ĐT.765 thiết kế thêm làn chờ rộng 3m dài 60m, hướng TP. HCM rẽ trái vào Bệnh viện thiết kế thêm làn chờ rộng 3m dài 30m. Mặt cắt ngang tại vị trí có làn chờ rẽ trái:

+ Làn xe cơ giới: 4 làn x 3,5m	= 14,00m;
+ Làn xe hỗn hợp: 2 làn x 2,0m	= 4,0m;
+ Làn chờ rẽ trái:	= 3,0m;
+ Dải phân cách giữa:	= 0,50m;
+ Dải an toàn: 4 x 0,5m	= 2,0m;
+ Vía hè: 2 bên x 5,0m	= 10,00m;
Tổng cộng:	= 33,50m.

\* Mặt cắt ngang đường vào Bệnh viện huyện Xuân Lộc:

- Làn xe cơ giới: 4 làn x 3,5m	= 14,00m;
- Dải phân cách giữa:	= 0,50m;
- Dải an toàn: 2 x 0,5m	= 1,0m;
- Vía hè: 2 bên x 5,0m	= 10,00m;
Tổng cộng:	= 25,50m.

d) Nền đường: Đối với phần mở rộng trên đường Quốc lộ 1 và đường vào Bệnh viện Xuân Lộc, đào nền đến cao độ thiết kế, lu lèn nền nguyên thổ độ chặt  $K > 0,95$ , làm lớp nền thượng dày 30cm độ chặt  $K > 0,98$ .

đ) Kết cấu áo đường:

- Kết cấu áo đường Quốc lộ 1: Áo đường mềm,  $E_{yc} > 160\text{Mpa}$ .
- Kết cấu tăng cường trên mặt đường hiện hữu: Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 6cm, Bù vênh bê tông nhựa C12,5.
- Kết cấu phần mặt đường mở rộng: Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 6cm; Lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm; Cấp phối đá dăm loại 1 dày 30cm; Cấp phối đá dăm loại 2 dày 35cm.

Ghi chú: Riêng 230m tại khu vực nút giao (từ Km1800+703.66 ÷ Km1800+935.42), lớp BTN C12.5 dày 6cm được thay bằng lớp BTN Polime.

- Kết cấu đường vào Bệnh viện Xuân Lộc: áo đường mềm,  $E_{yc} > 120\text{Mpa}$ ; Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 4cm; Lớp bê tông nhựa C19 dày 6cm; Cấp phối đá dăm loại 1 dày 35cm.

- Kết cấu vượt nối đường ĐT.765, đường song hành: Giữ nguyên mặt đường hiện hữu, chỉ vượt nối vào nút giao bằng lớp bê tông nhựa C12,5.

e) Vía hè, bó vỉa, dải phân cách:

- Vía hè: lát gạch Tazero trên lớp móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 10cm;
- Bó vỉa, dải phân cách: bằng bê tông xi măng.

g) Phương án tổ chức giao thông, hệ thống an toàn giao thông:

- Tổ chức giao thông bằng đèn tín hiệu giao thông.
- Lắp đặt đèn tín hiệu, biển báo, sơn kẻ đường theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT.

h) Hệ thống thoát nước:

- Đào bỏ rãnh dọc cũ trên Quốc lộ 1, xây dựng mới cống dọc bê tông cốt thép kích thước D800, D1000 đặt dưới vỉa hè.

- Nối dài cống ngang hiện hữu trên Quốc lộ 1 cho phù hợp với bề rộng mặt đường sau khi mở rộng.

k) Cây xanh, chiếu sáng:

- Trồng cây xanh trên vỉa hè khoảng cách 10m/cây, dùng loại có tán trung bình, chiều cao nhỏ hơn 4m.

- Bổ sung và hoàn chỉnh hệ thống đèn chiếu sáng hai bên tuyến (trên cơ sở tận dụng lại hệ thống chiếu sáng cũ), trụ chiếu sáng đặt trên vỉa hè.

12. Phương án giải phóng mặt bằng: theo quy định của Luật Đất đai.

13. Tổng mức vốn đầu tư: **32.981.387.536 đồng**

Làm tròn: **32.981.000.000 đồng**

- Chi phí giải phóng mặt bằng:	2.534.773.000	đồng
- Chi phí xây dựng:	23.570.291.118	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	522.640.152	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.039.773.117	đồng
- Chi phí khác:	1.546.036.100	đồng
- Chi phí dự phòng:	2.767.874.049	đồng

(có phụ lục chi tiết kèm theo).

14. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

16. Phương thức đầu tư: Đấu thầu.

17. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2019 - 2021.

18. Các vấn đề cần lưu ý của chủ đầu tư:

a) Thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định của Luật đất đai.

b) Dự án thuộc loại công trình giao thông cấp II nên phải tổ chức lập và duyệt đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn chuẩn bị dự án, chủ đầu tư phải tổ chức thực hiện trước khi trình duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình;

c) Đối với bãi đậu xe trước mặt Bệnh viện huyện Xuân Lộc: Không nằm trong quy mô chủ trương đầu tư được duyệt, không đưa vào dự án.

d) Đối với đường song hành: Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn thiết kế nghiên cứu xử lý các vấn đề liên quan đến tổ chức giao thông như sau:

- Việc kết nối trực tiếp đường song hành vào nút giao sẽ làm cho nút giao không còn dạng ngã 4 mà trở thành dạng ngã 5, dẫn đến việc tổ chức giao thông sẽ gặp khó khăn và làm giảm hiệu quả của đường gom song hành.

- Việc tổ chức giao thông theo xu hướng không cho phép phương tiện từ đường song hành qua nút giao để đi về TP.HCM là khó khả thi (nhất là đối với xe 02 bánh) và dễ dẫn đến mất an toàn giao thông.

đ) Không bổ sung vào dự án khoản kinh phí mà Điện lực Đồng Nai kiến nghị. Nguyên nhân: Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, công trình điện xây dựng trong phạm vi hành lang bảo vệ kết cấu đường bộ, đơn vị chủ quản công trình điện phải có trách nhiệm tự thực hiện việc di dời khi ngành giao thông có yêu cầu mà không được bồi thường bất kỳ khoản chi phí nào.

e) Khi nghiệm thu công tác khảo sát lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, đề nghị rà soát lại thực tế để cắt giảm chi phí nhân công khảo sát đếm xe cho phù hợp. Nguyên nhân đề nghị cắt giảm: Theo kết quả đếm xe, lưu lượng xe trên ĐT.765 chỉ bằng khoảng 1/3 lưu lượng xe trên QL.1, tuy nhiên đơn vị khảo sát bố trí số lượng nhân công đếm xe trên ĐT.765 bằng số lượng nhân công đếm xe trên QL.1 là không phù hợp.

g) Khi phê duyệt nhiệm vụ phương án khảo sát bước thiết kế bản vẽ thi công, đề nghị phê duyệt trên cơ sở tận dụng tối đa số liệu, kết quả khảo sát ở bước trước.

h) Thẩm định An toàn giao thông theo quy định.

k) Sử dụng phân dự phòng đúng mục đích, tránh trường hợp đề nghị phát sinh công việc hoặc tăng thêm hạng mục công trình để sử dụng dự phòng phí.

l) Quản lý đầu tư và xây dựng dự án theo quy định.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Xuân Lộc và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng CNN;
- Lưu: VT, CNN (Sơn).

11-30

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Vĩnh**



## PHỤ LỤC

theo Quyết định số 3804/QĐ - UBND  
ngày 10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	Năng lực thiết kế	VỐN ĐẦU TƯ (đồng)
	<b>Tổng số</b>		<b>32.981.387.536</b>
	<b>Làm tròn</b>		<b>32.981.000.000</b>
<b>1</b>	<b>Phần giao thông</b>		<b>15.719.164.413</b>
	+ Nền đường		668.022.685
	+ Mặt đường		10.317.621.848
	+ Bó vỉa, vỉa hè+cây xanh		3.180.682.366
	+ Nút giao		1.243.104.059
	+ An toàn giao thông		
<b>2</b>	<b>Phần hạ tầng kỹ thuật</b>		<b>5.708.372.967</b>
	+ Hệ thống thoát nước dọc		3.930.191.149
	+ Điện chiếu sáng		1.018.181.818
	+ Đèn tín hiệu giao thông		760.000.000
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>		<b>522.640.152</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:</b>		<b>2.039.773.117</b>
1	Chi phí khảo sát lập báo cáo nghiên cứu khả thi		279.656.000
2	Chi phí khảo sát bước TKKT		279.656.000
3	<b>Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi</b>		<b>148.239.806</b>
	+ Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi phần giao thông		107.550.523
	+ Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi phần hạ tầng		40.689.283
4	<b>Chi phí thiết kế xây dựng công trình</b>		<b>411.347.867</b>
	+Chi phí thiết kế xây dựng giao thông		266.109.734
	+Chi phí thiết kế xây dựng hạ tầng		145.238.133
6	<b>Chi phí thẩm tra thiết kế</b>		<b>35.746.724</b>
	+Chi phí thẩm tra thiết kế giao thông		25.072.067
	+Chi phí thẩm tra thiết kế hạ tầng		10.674.657
7	<b>Chi phí thẩm tra dự toán</b>		<b>34.505.418</b>
	+Chi phí thẩm tra dự toán phần giao thông		24.207.513
	+Chi phí thẩm tra dự toán phần hạ tầng		10.297.905
8	<b>Chi phí lập và đánh giá hồ sơ thầu</b>		<b>65.686.006</b>
	+ Chi phí lập và đánh giá hồ sơ thầu thi công giao thông		40.288.218
	+ Chi phí lập và đánh giá hồ sơ thầu tư vấn giám sát thi công		5.429.899
	+ Chi phí lập và đánh giá hồ sơ thầu thi công hạ tầng		19.967.889
9	<b>Chi phí giám sát thi công</b>		<b>604.935.296</b>
	+Chi phí giám sát thi công giao thông		464.092.610
	+Chi phí giám sát thi công hạ tầng		140.842.686
10	<b>Chi phí thẩm tra an toàn giao thông</b>		<b>100.000.000</b>
11	<b>Báo cáo đánh giá tác động môi trường</b>		<b>80.000.000</b>

ĐỒNG NAI

<b>IV</b>	<b>Chi phí khác:</b>		<b>1.546.036.100</b>
1	Chi phí bảo hiểm công trình đường đô thị		50.676.126
2	<i>Chi phí hạng mục chung</i>		942.811.645
3	<b>Chi phí thẩm định thiết kế</b>		<b>22.828.543</b>
	+Chi phí thẩm định thiết kế xây dựng giao thông		16.065.799
	+Chi phí thẩm định thiết kế xây dựng hạ tầng		6.762.744
4	<b>Chi phí thẩm định dự toán</b>		<b>22.100.249</b>
	+Chi phí thẩm định dự toán phần giao thông		15.565.357
	+Chi phí thẩm định dự toán phần hạ tầng		6.544.892
5	<b>Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu</b>		<b>11.813.769</b>
	+Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu xây lắp		10.713.769
	+Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu giám sát		1.100.000
6	<b>Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu</b>		<b>11.813.769</b>
	+Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp		10.713.769
	+Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu giám sát		1.100.000
7	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		181.170.000
8	Chi phí thẩm định dự án		5.280.000
9	Lệ phí thẩm định dự án ĐTM		10.000.000
10	Chi phí thẩm tra đề cương khảo sát (02 bước)		4.400.000
11	Chi phí đo đạc địa chính		80.000.000
12	Chi phí thẩm tra dự toán chuẩn bị đầu tư trước khi phê duyệt DA		2.200.000
13	Chi phí rà phá bom mìn		200.932.000
<b>V</b>	<b>Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng</b>		<b>2.534.773.000</b>
<b>VI</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>		<b>2.767.874.049</b>